

Phụ lục:

DANH MỤC DỊCH VỤ KỸ THUẬT

(Kèm theo Thông báo số: 166/TB-BVBNĐ ngày 11/03/2025 của Bệnh viện Nhiệt đới tỉnh Hải Dương)

STT	Tên kỹ thuật theo TT 23/2024/TT-BYT				Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật					
1	17226	23.20	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	300			
2	17225	23.19	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	300			
3	17257	23.51	23. HÓA SINH	Định lượng Creatinin (máu)	Lần	130			
4	17209	23.3	23. HÓA SINH	Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	30			
5	17339	23.133	23. HÓA SINH	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Lần	30			
6	17364	23.158	23. HÓA SINH	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Lần	30			
7	17290	23.84	23. HÓA SINH	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	30			
8	17318	23.112	23. HÓA SINH	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	30			
9	17233	23.27	23. HÓA SINH	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Lần	100			
10	17231	23.25	23. HÓA SINH	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Lần	100			
11	17434	23.228	23. HÓA SINH	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)	Lần	70			
12	17289	23.83	23. HÓA SINH	Định lượng HbA1c [Máu]	Lần	30			
13	17248	23.42	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]	Lần	20			

STT	Tên kỹ thuật theo TT 23/2024/TT-BYT				Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật					
14	17250	23.44	23. HÓA SINH	Định lượng CK-MB mass (Isozym MB of Creatine kinase mass) [Máu]	Lần	20			
15	17216	23.10	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Lần	10			
16	17336	23.130	23. HÓA SINH	Định lượng Pro-calcitonin [Máu]	Lần	30			
17	17666	24.85	24. VI SINH - KỶ SINH TRÙNG	Mycoplasma hominis test nhanh	Lần	10			
18	17793	24.212	24. VI SINH - KỶ SINH TRÙNG	HSV 1+2 IgG miễn dịch tự động	Lần	10			
19	17791	24.210	24. VI SINH - KỶ SINH TRÙNG	HSV 1+2 IgM miễn dịch tự động	Lần	10			
20	16714	22.279	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	30			
21	16726	22.291	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	5			
22	16555	22.120	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trừ)	Lần	50			
23	16558	22.123	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	Lần	5			
24	17260	23.54	23. HÓA SINH	Định lượng D-Dimer [Máu]	Lần	20			

STT	Tên kỹ thuật theo TT 23/2024/TT-BYT				Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật					
25	16436	22.1	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian prothrombin (PT; Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	Lần	30			
26	17412	23.206	23. HÓA SINH	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Lần	45			
27	17264	23.58	23. HÓA SINH	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	Lần	100			
28	17235	23.29	23. HÓA SINH	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	Lần	10			
29	17269	23.63	23. HÓA SINH	Định lượng Ferritin [Máu]	Lần	10			
30	16552	22.117	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng sắt huyết thanh	Lần	10			
31	17363	23.157	23. HÓA SINH	Định lượng Transferrin [Máu]	Lần	10			
32	17824	24.243	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Influenza virus A, B test nhanh	Lần	20			
33	17768	24.187	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Lần	20			
34	17764	24.183	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus NS1Ag test nhanh	Lần	20			
35	17679	24.98	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Treponema pallidum test nhanh	Lần	20			

STT	Tên kỹ thuật theo TT 23/2024/TT-BYT				Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật					
36	17830	24.249	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Rotavirus test nhanh	Lần	5			
37	17806	24.225	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	EV71 IgM/IgG test nhanh	Lần	5			
38	17864	24.283	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch tự động	Lần	30			
39	17856	24.275	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch tự động	Lần	30			IgG
40	17856	24.275	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch tự động	Lần	30			IgM
41	17869	24.288	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch tự động	Lần	10			IgG
42	17869	24.288	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch tự động	Lần	10			IgM
43	17874	24.293	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Schistosoma (Sán máng) Ab miễn dịch tự động	Lần	10			
44	17860	24.279	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch tự động	Lần	20			
45	17858	24.277	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch tự động	Lần	20			IgG

STT	Tên kỹ thuật theo TT 23/2024/TT-BYT				Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật					
46	17858	24.277	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch tự động	Lần	20			IgM
47	17867	24.286	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch tự động	Lần	10			
48	17876	24.295	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch tự động	Lần	10			
49	17878	24.297	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch tự động	Lần	30			
50	17854	24.273	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Angiostrogylus cantonensis (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch tự động	Lần	10			IgG
51	17854	24.273	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Angiostrogylus cantonensis (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch tự động	Lần	10			IgM
52	17880	24.299	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Toxoplasma IgM miễn dịch tự động	Lần	10			
53	17882	24.301	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Toxoplasma IgG miễn dịch tự động	Lần	10			
54	16804	22.369	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	ANA 17 profile test (sàng lọc và định danh đồng thời 17 typ kháng thể kháng nhân bằng thành sắc ký miễn dịch)	Lần	5			
55	17224	23.18	23. HÓA SINH	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	Lần	50			

STT	Tên kỹ thuật theo TT 23/2024/TT-BYT					Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật						
56	17245	23.39	23. HÓA SINH	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]		Lần	5			
57	17241	23.35	23. HÓA SINH	Định lượng CA 72-4 (Cancer Antigen 72-4) [Máu]		Lần	5			
58	17239	23.33	23. HÓA SINH	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]		Lần	5			
59	17238	23.32	23. HÓA SINH	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]		Lần	5			
60	17240	23.34	23. HÓA SINH	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]		Lần	5			
61	17353	23.147	23. HÓA SINH	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]		Lần	5			
62	17275	23.69	23. HÓA SINH	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]		Lần	5			
63	17368	23.162	23. HÓA SINH	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]		Lần	5			
64	17345	23.139	23. HÓA SINH	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]		Lần	5			
65	17738	24.157	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HAV IgM miễn dịch tự động		Lần	10			
66	17736	24.155	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HAV Ab test nhanh		Lần	10			
67	17698	24.117	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg test nhanh		Lần	100			

STT	Tên kỹ thuật theo TT 23/2024/TT-BYT				Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật					
68	17705	24.124	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb định lượng	Lần	20			
69	17713	24.132	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBcAg miễn dịch tự động	Lần	30			
70	17716	24.135	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBcAb miễn dịch tự động	Lần	30			
71	17707	24.126	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBc IgM miễn dịch tự động	Lần	30			
72	17710	24.129	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBc Total miễn dịch tự động	Lần	30			
73	17717	24.136	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBV đo tải lượng Real-time PCR	Lần	80			
74	17723	24.142	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBV kháng thuốc Real-time PCR (cho 1 loại thuốc)	Lần	5			
75	17725	24.144	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HCV Ab test nhanh	Lần	100			
76	17726	24.145	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HCV Ab miễn dịch bán tự động	Lần	20			
77	17732	24.151	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HCV đo tải lượng Real-time PCR	Lần	30			

STT	Tên kỹ thuật theo TT 23/2024/TT-BYT				Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật					
78	17745	24.164	24. VI SINH - KỶ SINH TRÙNG	HEV IgM test nhanh	Lần	10			
	TỔNG								